TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN-T.P HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:146/2021/HSST
Ngày: 29/9/2021

NHÂN DANH
NỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lê Việt Hùng**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**
Ông Dương Văn Xuyên

Th Ký Toà án ghi biên bản phiên toà **Ông Tô Ngọc Lâm -** Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc sơn tham gia phiên toà: **Ông Tạ Quốc Tuấn -** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 219/2020/TL - HSST ngày 28/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:166/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đồng Văn L, sinh năm 1961; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đảng thể): Đảng viên; Nguyên trưởng thôn Ph M năm 2008; Con ông: Đồng Văn Gi, Con bà:Nguyễn Thị H; Vợ: Trịnh Thị Ng; Có 03 con Lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; Theo danh chỉ bản số 485 lập ngày 10/10/2019 tại Công an huyện Sóc Sơn thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đồng Văn Q, sinh năm 1944; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Nghỉ hưu; Trình độ văn hóa: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đảng thể): Đảng viên; Nguyên bí thư chi bộ thôn Ph M năm 2008; Con ông: Đồng Văn Đ, Con bà: Nguyễn Thị V; Vợ: Hoang Thị Th; Có 03 con Lớn sinh năm 1973, nhỏ sinh năm 1977; Theo danh chỉ bản số 484 lập ngày 10/10/2019 tại Công an huyện Sóc Sơn thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lương Xuân Đ, sinh năm 1953; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ

trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đảng thể): Đảng viên; Nguyên phó trưởng thôn Ph M năm 2008; Con ông: Lương Ngọc ch, Con bà: Đồng Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Tr; Có 04 con Lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1986; Theo danh chỉ bản số 486 lập ngày 10/10/2019 tại Công an huyện Sóc Sơn thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đồng Minh D, sinh năm 1948; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đảng thể): Đảng viên, nguyên Chi ủy viên chi bộ thôn Ph M năm 2008; Con ông: Đồng Văn C, Con bà: Nguyễn Thị D; Vợ: Dương Thị M; Có 03 con Lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1986; Theo danh chỉ bản số 31 lập ngày 12/12/2019 tại Công an huyện Sóc Sơn thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Đồng Văn Q1, sinh năm 1958; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đảng thể): Đảng viên; Nguyên chi hôi trưởng hội nông dân thôn Ph M năm 2008; Con ông: Đồng Văn Khánh, Con bà: Đồng Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị H; Có 04 con Lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1987; Theo danh chỉ bản số 487 lập ngày 10/10/2019 tại Công an huyện Sóc Sơn thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Thị Th sinh năm 1950
2. Ông Đồng Văn Th1, sinh năm 1974
3. Ông Lương Xuân Gi, sinh năm 1974
4. Ông Đồng Văn S, sinh năm 1970
5. Ông Phạm Văn C sinh năm 1969
6. Ông Đồng Xuân H, sinh năm 1961
7. Ông Đồng Văn S, sinh năm 1977
8. Ông Đồng Văn H1, sinh năm 1975
9. Ông Đồng Văn L sinh năm 1974
10. Ông Đồng Văn V, sinh năm 19
11. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1975
12. Ông Đồng Văn H3, sinh năm 19
13. Ông Đồng Văn Ng, sinh năm 1972
14. Bà Phạm Thị L sinh năm 1975
15. Ông Đồng Văn Q sinh năm 19…
16. Bà Ngô Thị H4 sinh năm 19…
17. Ông Dương Văn H5, sinh năm 1975
18. Ông Hạ Minh Tr, sinh năm 1966
19. Ông Lương Văn L, sinh năm 1981
20. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1965
21. Ông Đồng Văn C, sinh năm 1965

22. Ông Đồng Văn H6, sinh năm 1972
23. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 19
24. Ông Đồng Văn H6, sinh năm 1966
25. Ông Đồng Văn T, sinh năm 1964
26. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1974
27. Ông Đồng Văn L, sinh năm 1961
28. Ông Hoàng Văn L2, sinh năm 1976
29. Ông Đồng Văn Ch, sinh năm 1945
30. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957
31. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1983
32. Ông Phạm Quang T, sinh năm 19

Đều trú tại: thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội.

33. **UBND xã Tr Gi** - Do ông **Khổng Văn H,** chủ tịch xã làm đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn K, phó chủ tịch UBND xã Tr Gi.

34. **UBND huyện Sóc Sơn** – Do ông **Phạm Văn M,** chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn làm đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Đăng Gi, chuyên viên phòng Tài nguyên Môi trường huyện Sóc Sơn.

Người bào chữa và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị cáo Đồng Văn D và Đồng Văn Q là ông **Vũ Văn D** – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh TGPL số 5.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án đợc tóm tắt nh sau:

Ngày 12/6/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sóc Sơn nhận được đơn tố giác của ông Lê Văn H, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn a, xã V B, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắc Lắc. Ông H tố giác: Năm 2008, Đồng Văn L - Trưởng thôn cùng ban lãnh đạo thôn Ph M, xã Tr Gi có tổ chức họp dân bán 32 mảnh đất để thu tiền của 32 người dân, trong đó có thu của ông Lê Văn Hậu (sinh năm 1975 trú tại thôn Ph M) - là em trai ông H.

Quá trình điều tra làm rõ: Tại các cuộc họp cấp ủy thôn Ph M, xã Tr Gi ngày 03/7/2008, 30/8/2008, 02/10/2008 gồm Đồng Văn Q - Bí thư Chi bộ thôn Ph M là chủ tọa; Đồng Văn L - Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn Ph M và Đồng Minh D - Chi ủy viên thôn Ph M đã đưa ra chủ trương thu tiền hợp thức hóa các diện tích đất nông nghiệp do các hộ dân sử dụng từ trước thuộc quỹ đất công do UBND xã Tr Gi quản lý để có kinh phí xây dựng đường bê tông và các công trình khác của thôn. Trong Hội nghị Chi bộ thôn Ph M các ngày 16/6/2008, 03/7/2008, 03/8/2008, 03/9/2008, 03/10/2008, 05/11/2008, do Đồng Văn Q - Bí thư Chi bộ là Chủ tọa, cấp ủy Chi bộ và các Đảng viên nhất trí với chủ trương thu tiền hợp thức hóa đất nông nghiệp như trên. Trong cuộc họp cấp ủy Chi bộ, chính quyền, Trưởng các ban ngành, đoàn thể thôn Ph M, xã Tr Gi các ngày 09/7/2008, 19/8/2008, thành phần gồm Đồng Văn Q – Bí thư chi bộ, chủ tọa; Đồng Văn L – Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn; Đồng Minh D – Chi ủy viên; Đồng Văn Q1 – Thư ký hội nghị, đại diện các ban ngành, ban Mặt trận tổ quốc thôn Ph M, Chi hội trưởng Hội nông dân đã bàn biện pháp và đưa ra Nghị quyết về việc khơi nguồn quỹ xây dựng hoàn thiện đường bê tông trong thôn gồm các diện tích đất hoang hóa, các hộ đã làm nhà ở (lâu năm), các hộ đã hợp thức từ làm điện, làm đường, tự mở liền kề, mức thu nộp của các hộ Đ 80%, theo mức

trên dưới 100.000đ/1m^2. Ngày 25/8/2008, ông Đồng Văn L – Trưởng thôn Ph M cùng Đồng Văn Q – Bí thư Chi bộ thôn Ph M tổ chức họp dân triển khai nội dung Nghị quyết trên để thống nhất trong toàn thể nhân dân trong thôn. Sau đó, Đồng Văn Q cùng Đồng Văn L, Lương Xuân Đ – Phó trưởng thôn Ph M đã tiến hành thu tiền của 32 người dân đang sử dụng đất nông nghiệp do các hộ dân sử dụng từ trước thuộc quỹ đất công do UBND xã Tr Gi quản lý để có kinh phí xây dựng đường bê tông và các công trình khác của thôn. Tổng diện tích đất của 32 người dân là 4285m^2, thu được số tiền 344.000.000 đồng. Trong đó, Đồng Văn L và Lương Xuân Đ trực tiếp ký và viết phiếu thu tiền cho các hộ dân. Toàn bộ số tiền thu được đã chi hết làm đường bê tông và các hạng mục khác trong thôn Ph M. Cụ thể:

+ Thanh toán cho anh Nguyễn Đức D – sinh năm 1972 trú tại thôn B A, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, Hà Nội số tiền 51.238.000đ để trả tiền công làm đường và các hạng mục khác (có biên bản nghiệm thu đường bê tông).

+ Thanh toán cho anh Đào Văn T – sinh năm 1976 trú tại thôn Hòa Bình, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, Hà Nội số tiền 217.221.000đ để trả tiền mua vật liệu xây dựng (có bảng quyết toán vật liệu xây dựng kèm theo).

+ Thanh toán cho anh Đồng Văn H– sinh năm 1970 trú tại thôn Ph M, xã Tr Gi số tiền 57.394.000đ để trả chi phí xây dựng tường bao trung tâm văn hóa thôn 02 điểm chứa rác thải và các công trình khác.

+ Thanh toán cho bà Đồng Thị Th– sinh năm 1952 trú tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn số tiền 9.910.000đ, bà Th là thành viên nhà chùa xác nhận số tiền trên là chi phí xây dựng tường bao diện tích nhà chùa (Theo Quyết toán đợt 2 tường bao nhà chùa).

+ Thanh toán cho ông Đồng Văn M – sinh năm 1957 trú tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn số tiền 8.581.000đ để trả tiền phát sinh chi phí khác làm đường bê tông.

Tổng cộng số tiền đã chi là 344.344.000 đồng.

Ngày 30/7/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn yêu cầu định giá tài sản 4285m^2 đất do lãnh đạo thôn Ph M tổ chức thu tiền của các hộ dân. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 138 ngày 08/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận:

- 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác (do lãnh đạo thôn Ph M tổ chức thu tiền của các hộ dân năm 2008) tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội trị giá: 4285m^2 x 108.000 đồng/m^2 = 462.780.000đ *(Bốn trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ 32 người dân nộp tiền cho thôn Ph M đều không yêu cầu lãnh đạo thôn Ph M hoàn trả lại số tiền đã thu và có nguyện vọng được sử dụng ở lâu dài trên diện tích đất mà lãnh đạo thôn Ph M đã hợp thức hóa trên.

Đối với những người có liên quan là Trưởng, Phó các Ban ngành đoàn thể trong thôn Ph M gồm: Ông Phan Đăng Kh – Thư ký họp nhân dân ngày 25/8/2008, ông Đồng Xuân H, Lương Xuân Q, ông Đồng Văn M, bà Đồng Thị Th – Thành viên Ban giám sát xây dựng; ông Đồng Văn Ch – Chi hội cựu chiến binh; ông Đồng Văn L – Chi hội người cao tuổi; bà Nguyễn Thị H – Chi hội trưởng Hội hội phụ nữ thôn; ông Đồng Văn H – Bí thư Đoàn thanh niên thôn. Quá trình điều tra xác định các ông bà trên được lãnh đạo thôn

Ph M giao nhiệm vụ đại diện cho các ban ngành đoàn thể thôn Ph M ký tên vào giấy công nhận thu kinh phí, tham gia vào trong thành phần ban giám sát xây dựng đường bê tông và các công trình phúc lợi khác của thôn Ph M. Xét thấy, vai trò của ông, bà trên không đến mức phải xử lý hình sự nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với hiện trạng của 33 thửa đất theo danh sách 32 phiếu thu tiền (trong đó Phiếu thu tiền của bà Đồng Thị V gồm 02 thửa đất) có 23 nhà ở K cố, 03 nhà cấp 4, 07 thửa bỏ hoang. Hiện nay, đã có 26 hộ dân xây dựng công trình trên đất, Uỷ ban nhân dân xã Tr Gi chưa xử lý, lập hồ sơ xử lý vi phạm về thanh tra xây dựng đối với những hộ dân đã xây dựng công trình trên diện tích đất trên.

Đối với ông Nguyễn Thế TàiNguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tr Gi không biết Lãnh đạo thôn Ph M bán đất để xây dựng đường bê tông và các công trình khác của thôn nên không đủ căn cứ xử lý hình sự trong vụ án này.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Đồng Văn Q, Đồng Văn L, Lương Xuân Đ, Đồng Văn Q1, Đồng Minh D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị can phù hợp với lời khai người liên quan, sổ nghị quyết chi bộ thôn, sổ họp thôn, phiếu thu tiền, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 17/CT/VKS ngày 14/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Đồng Văn L, Đồng Văn Q, Lương Xuân Đ, Đồng Minh D, Đồng Văn Q1 theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã Tr Gi ông Đỗ Văn K có ý kiến: Hành vi phạm tội của các bị cáo là do thiếu hiểu biết, việc giao khoán đất có thu tiền đều được thông báo công khai, họp chi bộ, họp dân, các bị cáo không có hành vi tư lợi và lợi ích nhóm. Toàn bộ số tiền các bị cáo thu được đã chi hết vào mục đích công cộng, làm đường bê tông và các hạng mục công ích khác trong thôn Ph M, xã Tr Gi. Khu đất các bị cáo giao cho các hộ dân hiện tại đã được quy hoạch đất ở; Sau khi phạm tội được Chi bộ và toàn thể người dân trong thôn Ph M có đơn kiến nghị tới các cơ quan đoàn thể xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Để ổn định tình hình tại địa phương đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của Nhà nước và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Đối với diện tích đất giao sai hiện các hộ dân đang sử dụng UBND xã sẽ phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Sóc Sơn ông Ngô Đăng Gi vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông có lời trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giao lại diện tích đất mà thôn Ph M đã giao khoán để UBND huyện quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Minh D và Đồng Văn Q là ông Vũ Văn D – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh TGPL số 5 có ý kiến:

Đồng ý với tội danh, điều luật đã truy tố các bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo Điểm c khoản 2 Điều 365 BLHS. Bởi lẽ, các bị cáo phạm tội nhưng không có tư lợi, không vì mục đích cá nhân. Số tiền thu được từ dân, các bị cáo đều xây dựng đường bê tông và nhà văn hóa thôn, có phiếu thu chi đầy đủ. Các bị cáo phạm tội do nhận thức còn hạn chế, không mong muốn hậu quả xảy ra. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và là người có công với cách mạng: Bị cáo Q là người già yếu (75 tuổi), người có công phụng dưỡng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Vịt – bà mẹ Việt Nam anh H. Bị cáo D là người già yếu (71 tuổi) có công với cách mạng, thương binh hạng 4/4 (được Nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm o, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS cho các bị cáo. Thêm o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo Đồng Văn D và Đồng Văn Q và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn duy trì công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS; điểm o, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 54 BLHS; Điều 65 BLHS đối với Đồng Văn Q.
- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 54 BLHS; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đồng Văn L.
- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS; điểm o, s, t, x khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Điều 54 BLHS; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đồng Minh D.
- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Điều 54 BLHS đối điều 65 BLHS đối với bị cáo Lương Xuân Đ.
- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Điều 54 BLHS; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đồng Văn Q.

Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: 1. Bị cáo Đồng Văn L mức án từ 30 đến 36 tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

2. Bị cáo Đồng Văn Q mức án từ 30 đến 36 tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

3. Bị cáo Lương Xuân Đ mức án từ 24 đến 30 tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Bị cáo Đồng Văn Q1 mức án từ 24 đến 30 tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Bị cáo Đồng Minh D mức án từ 24 đến 30 tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Đối với các công trình xây dựng trên đất giao trái thẩm quyền, đề nghị HĐXX giao cho UBND xã Trung Giã và UBND huyện Sóc Sơn quản lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về dân sự: Không đặt vấn đề giải quyết.

Án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Về nội dung: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 2003 thì Thôn không phải là cơ quan hành chính, không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất cho các hộ dân. Nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008, Đồng Văn Q, Đồng Văn L, Lương Xuân Đ, Đồng Văn Q1 và Đồng Minh D được nhân dân thôn Ph M tín nhiệm, bầu cử và được Đảng ủy, UBND xã Tr Gi công nhận các chức vụ trên. Các bị cáo đã không làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình được giao và đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình giao trái thẩm quyền 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội cho 32 người dân trong thôn Ph M, thu được số tiền là 344.000.000đ, nhưng không nộp vào ngân sách Nhà nước mà sử dụng vào việc xây dựng đường bê tông và các công trình phúc lợi của thôn Ph M hết. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 138 ngày 08/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận: 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác (do lãnh đạo thôn Ph M tổ chức thu tiền của các hộ dân năm 2008) tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội trị giá: 4285m^2 x 108.000 đồng/m^2 = 462.780.000đ *(Bốn trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)*. Các bị cáo là người có chức vụ quyền hạn (Trưởng thôn được nhân bầu và xã có quyết định công nhận chức danh; Bí thư chi bộ là người đứng đầu cơ sở Đảng, giữ vai trò lãnh đạo, chịu trách nhiệm trước chi ủy, đề xuất và tổ chức sinh hoạt, hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của chi ủy.) Khi thực thi nhiệm vụ các bị cáo đã giao đất trái thẩm quyền đã làm mất đi chức năng quản lý của Nhà nước đối với diện tích đất công, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều xác định số tiền thu được đã phục vụ cho các công trình chung của thôn, các bị cáo không có mục đích tư lợi, không chiếm đoạt cá nhân. Trước khi xây dựng công trình Chi bộ thôn đã họp ra nghị quyết và giao cho ban quản lý thôn thực hiện.

Như vậy, các bị cáo cũng không có động cơ cá nhân nào khác. Vì mục đích vụ lợi (lợi ích nhóm) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để hợp thức hóa 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội, trị giá 462.780.000đ cho 32 người dân trong thôn Ph M để thu 344.000.000đ, không nộp vào ngân sách Nhà nước, sử dụng để phục vụ cho lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ của thôn Ph M làm thiệt hại tài sản Nhà nước. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về đất đai và làm cho tình hình xã hội thêm phức tạp, làm mất đi chức năng quản lý của Nhà nước đối với diện tích đất công, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay và có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là rất cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo.

Xét vai trò của từng bị cáo thấy: Bị cáo Đồng Văn L và Đồng Văn Q là người đứng đầu Chi bộ thôn Ph M (Q là bí thư chi bộ, bị cáo L là phó bí thư, trưởng thôn Ph M giai đoạn năm 2008). Hai bị cáo đã đưa ra chủ trương, quyết định việc thực hiện chủ trương và đứng ra chủ trì các cuộc họp cấp ủy, chi bộ, và họp dân trong việc giao đất trái thẩm quyền nên có vai trò cao nhất; Tiếp đến là bị cáo Đồng Minh D, Chi ủy viên, tham gia vào tất cả các cuộc họp, thống nhất việc thực hiện chủ trương của bị cáo Q; Sau đó là bị cáo Lương Xuân Đ, là người trực tiếp thu tiền của các hộ dân từ việc hợp thức hóa đất, có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Q, L; Sau cùng là bị cáo Q, có vai trò giúp sức bị cáo Q, L.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra làm rõ tình tiết của vụ án; Quá trình công tác có nhiều cống hiến cho địa phương trong nhiều năm, các bị cáo đều là quân nhân xuất ngũ; Bị cáo Q là người già yếu (77 tuổi), người có công phụng dưỡng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Vịt – bà mẹ Việt Nam anh H. Bị cáo D là người già yếu (73 tuổi) có công với cách mạng, thương binh hạng 4/4 (được Nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba); Bị cáo L có công phụng dưỡng mẹ vợ là bà mẹ Việt Nam anh H Hàn Thị M, được tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, bảo vệ quốc phòng toàn dân; Bị cáo (L 61 tuổi), Bị cáo Đ (68 tuổi) và bị cáo Q (63 tuổi) là người cao tuổi. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s,t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng cáo bị cáo Q, D, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm o khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, gia đình có công với cách mạnh, bản thân đều là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Hành vi phạm tội xảy ra đã lâu, hiện các bị cáo tuổi đều cao. Hành vi phạm tội của các bị cáo là do thiếu hiểu biết, việc giao khoán đất có thu tiền đều được thông báo công khai, họp chi bộ, họp dân, các bị cáo không có mục đích tư lợi, không chiếm đoạt cá nhân. Toàn bộ số tiền các bị cáo thu được đã chi hết vào mục đích công cộng, làm đường bê tông và các hạng mục công ích khác trong thôn Ph M. Khu đất các bị cáo giao cho các hộ dân hiện tại đã được quy hoạch khu đất ở; Sau khi phạm tội được Chi bộ và toàn thể người dân trong thôn Ph M có đơn kiến nghị tới các cơ quan đoàn thể xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vụ việc xảy ra đã lâu(được hơn 13 năm), tình hình an ninh chính trị trên địa bàn thôn Ph M nói chung và chính quyền xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn nói riêng vẫn được ổn định, không có đơn thư khiếu kiện nào liên quan đến vụ việc. Tại phiên Tòa, đại diện UBND xã Trung Giã có ý kiến đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy việc giao đất có thu tiền của các bị cáo là sai, các bị cáo đã nhận ra sai phạm, tỏ ra ăn năn hối cải; Do các bị cáo đều không vụ lợi cá nhân, được toàn thể người dân trong thôn Ph M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo. Để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, với chính sách nhân đạo của Nhà nước cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội .

[4]. Về dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay những người nhận giao khoán thầu đất đều đề nghị được tiếp tục sử dụng đất và không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ 01 số vật chứng liên quan đến vụ án là sổ sách và phiếu thu là vật chứng vụ án nên lưu hồ sơ.

- Đối với diện tích đất vi phạm mà các hộ dân đang sử dụng Hội đồng xét xử kiến nghị UBND xã Tr Gi; Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn xem xét, giải quyết theo thẩm quyền đối với diện tích 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc sơn, thành phố Hà Nội đã giao cho 32 hộ dân.

[6]. Về án phí: Các bị cáo là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s, t Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Thêm điểm o Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Q; Thêm điểm o, x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo D.

- Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Lương Xuân Đ 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 52 (năm hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Văn Q1 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 52 (năm hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Minh D 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 52 (năm hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo: Đồng Văn Q, Đồng Văn L, Lương Xuân Đ, Đồng Văn Q1 và Đồng Minh D cho UBND xã Tr Gi, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn xem xét, giải quyết theo thẩm quyền đối với diện tích 4285m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác tại thôn Ph M, xã Tr Gi, huyện Sóc sơn, thành phố Hà Nội đã giao trái thẩm quyền cho 32 hộ dân.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa chỉ được kháng cáo đối với phần quyết định liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt chỉ được kháng cáo đối với phần quyết định liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
.- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- Công an h. Sóc Sơn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- THA DS huyện Sóc Sơn;
- Các đơng sự;
- Lu: HS, VP.

Lê Việt H